

ĐẶC ĐIỂM DẠY THÌ CỦA HỌC SINH 9 - 17 TUỔI Ở CÁC DÂN TỘC KINH, THÁI VÀ HMÔNG TẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN

ĐÀO HUY KHUÊ,

NGUYỄN BẢO ĐỒNG

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, trong vài chục năm gần đây, không có nhiều công trình nghiên cứu, điều tra, đánh giá về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em, nhất là đối với trẻ em dân tộc thiểu số (DTTS) và công việc này không được tiến hành thường xuyên. Tuy nhiên, có thể kể đến những điển hình về các nghiên cứu phát triển thể chất trẻ em như một số công trình của Đinh Kỳ và Nguyễn Văn Khoa (1974), Đào Huy Khuê (1991), Mai Văn Thìn (1991), Thẩm Thị Hoàng Diệp (1992), Cao Quốc Việt và Nguyễn Phú Đạt (1997), Nguyễn Yên và cộng sự (1997), Nguyễn Thị Lan (1998), Đào Mai Luyến (2001), Trần Thị Loan (2002), Đỗ Hồng Cường (2009)... Các công trình của những tác giả nêu trên đã sử dụng phương pháp nghiên cứu truyền thống trong nhân trắc học, số lượng đối tượng điều tra tương đối lớn, nghiên cứu cắt ngang hoặc nghiên cứu theo chiều dọc, các kích thước đo đạc và mô tả tương đối nhiều... chủ yếu đối với ở trẻ em khu vực đô thị và vùng đồng bằng, nhưng còn hiếm những nghiên cứu về vấn đề này ở miền núi và người DTTS.

Nghiên cứu đặc điểm dậy thì ở người là một nội dung rất quan trọng trong nghiên cứu phát triển thể chất bởi thời kỳ dậy thì

đánh dấu sự thay đổi lớn cả về hình thái và sinh lý con người. Ở nước ta, trong những năm 60 và nửa đầu thập kỷ 70 của thế kỷ trước, nhiều tác giả đã nghiên cứu về tuổi có kinh lần đầu của công nhân, nông dân, học sinh nông thôn và thành thị. Những kết quả này đã được thông kê trong “Hàng số sinh học người Việt Nam” (1975). Các kết quả nghiên cứu cho thấy tuổi có kinh lần đầu ngày càng đến sớm qua các thập kỷ của thế kỷ trước, ví dụ thập kỷ 50 là 15,8 tuổi, thập kỷ 60 là 15,53 tuổi, thập kỷ 70 là 14,9 tuổi, thập kỷ 80 là 15,27 tuổi và thập kỷ 90 là 13,5 tuổi. Đào Huy Khuê từ kết quả nghiên cứu về tuổi có kinh lần đầu của nữ sinh Hà Đông (1989) là 13 năm 8,6 tháng, đã suy ra tuổi trung bình dậy thì chính thức khoảng 14 đối với nữ và 15-16 đối với nam ở Hà Đông. Trong cuốn “Các giá trị sinh học người Việt Nam bình thường thập kỷ 90 - thế kỷ XX” (2003), các tác giả cho rằng tuổi có kinh lần đầu ở trẻ gái thay đổi theo vùng miền, ở nội thành Hà Nội là 13 năm 3 tháng, ở nông thôn là 14 năm, ở nội thành Huế là 13 năm 7 tháng, ở thị xã Đông Hà là 14 năm 5 tháng, ở nông thôn Thừa Thiên là 15 năm 3 tháng, ở miền núi Thừa Thiên là 14 năm 7 tháng...

Kết quả từ các công trình nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt về một số chỉ số chức năng giữa các dân tộc, sự khác biệt về

phát triển cơ thể của học sinh DTTS so với học sinh người Kinh. Tuy nhiên, vẫn rất cần những nghiên cứu cập nhật trên trẻ em các DTTS đang sinh sống tại miền núi, vùng sâu, vùng xa trong cả nước. Với định hướng đó, bài viết của chúng tôi tập trung vào đặc điểm dậy thì của học sinh người Thái, người Hmông và người Kinh ở tỉnh Điện Biên, là một phần trong kết quả đề tài nghiên cứu phát triển thể chất của học sinh 9 - 17 tuổi ở một số tộc người tỉnh Điện Biên¹. Kết quả nghiên cứu này nhằm góp phần bổ sung số liệu cho hệ thống dữ liệu về phát triển thể chất trẻ em nước ta, đồng thời cung cấp các luận cứ cho việc hoạch định các chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung và phát triển thể chất nói riêng ở vùng Tây Bắc nước ta.

2. Vài nét về tỉnh Điện Biên

Điện Biên là tỉnh miền núi, biên giới, nằm ở phía Tây Bắc nước ta, giáp với tỉnh Lai Châu và có đường biên giới tiếp giáp với hai quốc gia dài 398,5km; trong đó biên giới với Lào dài 360km, với Trung Quốc dài 38,5km. Đến năm 2009, tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Điện Biên là 9.562,9km², trong đó diện tích đất nông nghiệp ít (108.158ha, chiếm 11,3% diện tích tự nhiên) và đất chưa sử dụng còn nhiều (528.370ha, chiếm 55,3%).

Điện Biên có 9 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay và 7 huyện (có 4 huyện nghèo được hưởng chính sách theo Nghị quyết 30a); 112 xã, phường, thị trấn. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh là 34,6% (6/2009). Năm 2009, dân số trung

bình toàn tỉnh là 491.172 người, trong đó thành thị - 75.059 người, nông thôn - 416.113 người. Toàn tỉnh có 21 dân tộc, trong đó dân tộc Thái chiếm 40,4%, dân tộc Hmông - 28,8%, dân tộc Kinh - 19,7% dân số, còn lại là các dân tộc khác (Xinh Mun, Kơ-mú, Kháng, Lào, Tày, Mường...). Sự đa dạng dân tộc ở Điện Biên cũng đi liền với sự đa dạng, phong phú về văn hóa tộc người, đặc biệt là đối với các dân tộc có dân số lớn trong tỉnh như Thái, Hmông, Kinh, thường có ảnh hưởng lớn đối với các dân tộc khác sống trên cùng địa bàn. Tổng số trẻ em dưới 16 tuổi trong tỉnh là 147.141 người, trong đó 2.575 trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tỉnh Điện Biên đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THCS; 102/112 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

Điện Biên với những đặc điểm chính về tự nhiên, xã hội nêu trên, chắc chắn đã và sẽ có tác động không nhỏ tới sự phát triển thể chất của thế hệ trẻ trong cộng đồng các dân tộc.

3. Địa bàn, đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại 22 trường phổ thông gồm tiểu học, THCS và THPT ở các huyện Điện Biên, Tuần Giáo và Tủa Chùa. Học sinh được chọn khảo sát hầu hết đang học phổ thông gồm 2.807 người (1.392 nam và 1.415 nữ), trong đó có 949 em người Kinh (463 nam và 486 nữ), 893 em người Thái (442 nam và 451 nữ) và 965 em người Hmông (487 nam và 478 nữ). Mỗi lứa tuổi, giới tính và dân tộc đều có số lượng đủ lớn để tính toán thống kê, ít nhất là 43 và nhiều nhất là 54 em.

Phương pháp nghiên cứu về dậy thì: Đối với dấu hiệu dậy thì chính thức ở nam

¹ Đề tài cấp tỉnh Điện Biên, *Nghiên cứu sự phát triển thể chất của học sinh từ 9 đến 17 tuổi ở một số tộc người tỉnh Điện Biên và những yếu tố tác động* (2010) do TS. Đào Huy Khuê làm chủ nhiệm đề tài.

và nữ, dùng phương pháp phỏng vấn hồi cố để hỏi ngày tháng năm có biểu hiện xuất tinh lần đầu (với nam) hoặc ngày tháng năm có kinh lần đầu (với nữ). Các dấu hiệu sinh dục phụ (thứ cấp) như sự phát triển tuyến vú (ở nữ), lông mu và lông nách (ở cả nam và nữ) được đánh giá lâm sàng theo chuẩn của các nhà nhân chủng học Liên Xô (cũ), trích dẫn theo luận văn Phó Tiến sỹ của Đào Huy Khuê (1991).

4. Đặc điểm dậy thì của học sinh 9 - 17 tuổi ở các dân tộc Kinh, Thái và Hmông tại tỉnh Điện Biên

4.1. Vài nét về đặc điểm dậy thì của trẻ em Việt Nam

Dậy thì là giai đoạn biệt hóa giới tính lớn nhất, biến đổi cơ quan sinh dục, phát triển đặc tính sinh dục phụ, thay đổi kích thước hình thái cơ thể. Thường dậy thì ở nam diễn ra chậm hơn so với ở nữ. Tăng thể tích tinh hoàn là dấu hiệu đầu tiên, nó bắt đầu khoảng 1 năm trước khi xuất hiện các dấu hiệu sinh dục phụ, trung bình khoảng 12 tuổi và phát triển nhanh trong 2 năm đầu của dậy thì, sau đó chậm dần nhưng kéo dài trong 5 năm. Sau khi phát triển tinh hoàn, dương vật bắt đầu phát triển trung bình ở 13 tuổi (sớm là 10,5 tuổi, muộn là 16,5 tuổi),

chưa đầy 2 năm sau có thể đạt kích thước cuối cùng. Lông mu bắt đầu phát triển sau khi dương vật và bìu phát triển được vài tháng, nó phát triển chậm hơn, trong 2 - 3 năm đầu của dậy thì lông mu hình tam giác, sau lan rộng dần và sau 4 - 5 năm trở thành hình thoi. Lông nách còn chậm hơn, chênh lệch so với lông mu trung bình 1 năm. Xuất tinh là dấu hiệu sinh dục chính đánh dấu thời kỳ dậy thì chính thức ở nam. Thường tuổi xuất tinh trung bình khoảng 14 tuổi 3 tháng ± 9 tháng.

Đối với nữ, phát triển tuyến vú là dấu hiệu đầu tiên của dậy thì và khác nhau tùy từng người, nó phản ánh hoạt tính Estrogen của buồng trứng. Đầu tiên là núm vú nổi lên, ở độ tuổi trung bình 10,5 - 11 tuổi. Sau đó vú to lên rõ, những tháng đầu có thể chỉ một bên, không đối xứng. Núm vú to lên, quầng vú rộng và thâm màu hơn. Vú phát triển đầy đủ trong 2 - 3 năm. Lông mu thường xuất hiện sau khi vú phát triển vài tháng, đồng thời ở mu và các môi lớn, nó phát triển đầy đủ trong vòng 2 năm và cũng trải qua 5 giai đoạn phát triển (P0 - P4) tương tự lông mu của nam. Lông nách phát triển sau lông mu khoảng 12 - 18 tháng, sau 2 - 3 năm thì đạt mức như người lớn. Kỳ kinh nguyệt lần đầu là mốc chắc chắn nhất của dậy thì nữ, trung bình sau khi phát triển tuyến vú khoảng 2 năm.

Lông trong hố nách: Quan sát thực trạng lông trong hố nách và khoanh tròn vào các mức dưới đây: A0: Chưa có lông; A1: Có lông rồi nhưng là lông tơ, thưa; A2: Lông đã sẫm màu, rậm hơn, nhưng còn thấy phần da dưới chân các lông; A3: Lông sẫm màu, rậm, phủ kín, không còn nhìn thấy chân lông, đạt mức của người trưởng thành.

Lông trên mu: Quan sát thực trạng lông trên mu và khoanh tròn vào các mức dưới đây: P0: Chưa có lông; P1: Có lông rồi nhưng là lông tơ, thưa; P2: Lông đã sẫm màu, rậm hơn, nhưng còn nhìn thấy phần da dưới chân lông; P3: Lông sẫm màu, rậm, phủ kín, không còn nhìn thấy chân lông, đạt mức của người trưởng thành; P4: Lông rậm, phát triển rộng hơn phần mu, thậm chí mọc lên rốn, ngực.

Tuyến vú: Quan sát thực trạng tuyến vú và khoanh tròn vào các mức dưới đây: Ma0: Tuyến vú chưa phát triển; Ma1: Bầu vú bắt đầu phát triển, có hiện tượng sưng ở quầng thâm núm vú, trông như chũm cau; Ma2: Bầu vú phát triển hơn, nhô cao trên lồng ngực; Ma3: Bầu vú phát triển lớn, tuy nhiên bầu vú chưa đủ lớn để tạo thành đường gãy nét giữa chân bầu vú với bề mặt ngực; Ma4: Bầu vú phát triển lớn hơn, tạo thành đường gãy nét giữa chân bầu vú với bề mặt ngực, đạt mức của người trưởng thành.

Tuổi dậy thì chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên trong như giới tính, yếu tố di truyền, chủng tộc, giống nòi, bệnh tật, văn hóa, môi trường sống... hoặc các điều kiện bên ngoài bao gồm đời sống kinh tế, dinh dưỡng, khí hậu, thời tiết, địa lý... Trẻ ở vùng cao dậy thì muộn hơn so với các vùng khác, giai đoạn dậy thì kéo dài hơn (trong điều kiện dinh dưỡng giống nhau).

4.2. Dậy thì của học sinh 9 - 17 tuổi ở các dân tộc Kinh, Thái và Hmông tại tỉnh Điện Biên

4.2.1. Dậy thì của học sinh nam 9 - 17 tuổi

Dậy thì chính thức ở nam dựa vào thời điểm xuất tinh lần đầu. Lúc 9 - 11 tuổi chưa thấy học sinh nam ở cả 3 dân tộc dậy thì chính thức. Ở tuổi 12, đã có nam người Hmông dậy thì chính thức, còn nam người Kinh và nam người Thái tương ứng ở 14 tuổi. Tỷ lệ học sinh nam dậy thì chính thức ở cả 3 dân tộc tăng dần theo tuổi. Lúc 14 - 17 tuổi tỷ lệ học sinh nam dậy thì chính thức ở người Hmông đều cao hơn người Kinh và người Thái; còn ở người Thái và người Kinh gần như nhau. Đến tuổi 17, tỷ lệ nam dậy thì chính thức ở cả 3 dân tộc gần như nhau và đạt cao nhất, ở người Hmông là 98,1%, người Kinh - 95,3% và người Thái - 91,7%.

Lần xuất tinh đầu tiên (thường là mộng tinh) là mốc chắc chắn nhất của dậy thì chính thức ở nam. Theo kết quả nghiên cứu thực tế, tuổi dậy thì chính thức của học sinh nam người Hmông là 14 năm 1 tháng \pm 1 năm 2 tháng, người Kinh - 14 năm 7 tháng \pm 1 năm 9 tháng, người Thái - 14 năm 8,4 tháng \pm 1 năm 1,4 tháng. Như vậy, tuổi dậy thì chính thức của nam người Hmông sớm hơn 6 - 7 tháng so với nam

người Kinh và nam người Thái, sự khác nhau có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Còn ở người Thái và người Kinh, tuổi dậy thì chính thức của học sinh nam gần như nhau. Kết quả này có thể do yếu tố di truyền chủng tộc khác nhau, ngoài ra còn do điều kiện văn hoá, xã hội của người Hmông khác người Kinh và người Thái: chẳng hạn người Hmông có tập quán lấy vợ và yêu sớm hơn; bên cạnh đó, nam sinh người Hmông đa số sống nội trú, dễ gặp gỡ, giao lưu với bạn nữ hơn...

Tuổi dậy thì chính thức ở nam người Kinh tỉnh Điện Biên (2010) tương đương với nam người Kinh ở Hà Nội, nhưng sớm hơn so với nam người Kinh ở các tỉnh Thái Bình, Hà Tây (cũ), Bắc Thái (cũ) trong nghiên cứu của Cao Quốc Việt và Nguyễn Phú Đạt (1997).

Các dấu hiệu dậy thì thứ cấp

- Nghiên cứu hồi cố cho thấy: Thời điểm xuất hiện mụn trứng cá trên mặt nam người Hmông là 13 tuổi 2 tháng \pm 1 năm 9 tháng, ở người Kinh là 13 tuổi 4 tháng \pm 1 năm 6 tháng, ở người Thái là 13 tuổi 5 tháng \pm 1 năm 8 tháng, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

- Sự phát triển lông mu của nam sinh: ở tuổi 10, người Hmông đã có lông mu (1,8%). Trong thời kỳ 10 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ nam phát triển lông mu tăng dần theo tuổi, mức tăng cao nhất ở tuổi 14. Đến 16 - 17 tuổi, 100% nam người Hmông đã có lông mu, chuẩn độ trung bình là 3,6 và có 66,5% nam sinh đạt mức phát triển lông mu của người trưởng thành.

Nam sinh người Kinh ở độ tuổi 12 mới có người bắt đầu mọc lông mu, chiếm 1,8%. Trong thời kỳ 12 - 17 tuổi, chuẩn độ trung

binh và tỷ lệ nam có lông mu tăng dần theo tuổi, mức tăng cao nhất ở tuổi 14. Đến 16 - 17 tuổi, 100% nam sinh người Kinh có lông mu phát triển, ở tuổi 17 có 60,5% nam sinh đạt mức lông mu ở người trưởng thành, chuẩn độ trung bình là 3,5.

Nam sinh người Thái ở độ tuổi 9 - 12 chưa phát triển lông mu; ở độ tuổi 13 mới có người mọc lông mu, chiếm 8,3%. Trong thời kỳ 13 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ nam phát triển lông mu tăng dần theo tuổi, mức tăng cao nhất ở tuổi 14. Đến 17 tuổi, 97,9% nam người Thái đã có lông mu, chuẩn độ trung bình là 3,0 và có 41,2% nam đạt mức lông mu của người trưởng thành.

So sánh sự phát triển lông mu giữa nam người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên nhận thấy: nam người Hmông có thời điểm xuất hiện lông mu sớm nhất, tỷ lệ đã phát triển lông mu cao nhất, tỷ lệ đạt mức phát triển lông mu ở người trưởng thành và chuẩn độ trung bình cũng cao nhất, tiếp theo là nam sinh người Kinh, còn nam sinh người Thái có thời điểm xuất hiện lông mu muộn nhất, tỷ lệ đã phát triển lông mu thấp nhất, tỷ lệ đạt mức độ phát triển lông mu ở người trưởng thành và chuẩn độ trung bình cũng thấp nhất.

Hiện tượng này là phù hợp với quy luật phát triển các dấu hiệu dậy thì. Nguyên nhân do ảnh hưởng của tuổi dậy thì chính thức ở nam sinh người Hmông sớm nhất, còn nam sinh người Thái có tuổi dậy thì chính thức muộn nhất. So với nam sinh người Kinh ở Hà Đông (1989), tỷ lệ nam sinh đã phát triển lông mu và tỷ lệ nam sinh có lông mu đạt mức độ người trưởng thành ở Điện Biên (2010) cao hơn, điều này phù hợp vì người

Kinh, Thái và Hmông ở Điện Biên dậy thì chính thức sớm hơn.

- Lông nách là một trong 3 dấu hiệu phụ để đánh giá mức độ dậy thì, nó thường xuất hiện sau khi phát triển lông mu. Kết quả nghiên cứu ở Điện Biên (2010) cho thấy: Ở độ tuổi 11, nam sinh người Hmông đã có người mọc lông nách, chiếm 18,2%. Trong thời kỳ 11 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ nam bắt đầu phát triển lông nách tăng dần theo tuổi, mức tăng cao nhất ở tuổi 14. Đến 17 tuổi, có 96,3% nam sinh người Hmông phát triển lông nách, chuẩn độ trung bình là 2,0 và 33,3% đạt mức lông nách của người trưởng thành.

Với nam người Kinh và người Thái tỉnh Điện Biên (2010), ở tuổi 13 mới bắt đầu mọc lông nách (người Kinh: 13,2% và người Thái: 6,2%). Lúc 13 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ nam bắt đầu phát triển lông nách tăng dần theo tuổi. Đến 17 tuổi, ở nam người Kinh, 93,0% có lông nách phát triển, chuẩn độ trung bình là 1,9 và 27,9% nam đạt mức người trưởng thành; nam người Thái có 66,7% đã phát triển lông nách, chuẩn độ trung bình là 1,3 và 12,5% đạt mức người trưởng thành.

So sánh giữa nam sinh 3 dân tộc ở Điện Biên cho thấy: nam người Hmông có thời điểm xuất hiện lông nách sớm nhất, tỷ lệ đã phát triển lông nách cao nhất, tỷ lệ đạt mức độ phát triển lông nách ở người trưởng thành và chuẩn độ trung bình cũng cao nhất, tiếp theo là nam người Kinh; nam người Thái có thời điểm xuất hiện lông nách muộn nhất, tỷ lệ đạt mức độ phát triển lông nách ở người trưởng thành và chuẩn độ trung bình cũng thấp nhất. Hiện tượng này có thể do

nam người Hmông dậy thì sớm nhất, còn nam người Thái dậy thì muộn nhất.

So sánh với nghiên cứu của Đào Huy Khuê và cộng sự trên học sinh người Kinh ở Hà Đông (1991), thấy tỷ lệ nam người Kinh và Hmông ở Điện Biên (2010) đã phát triển lông nách và có chuẩn độ trung bình cao hơn, phù hợp với dấu hiệu dậy thì chính thức sớm hơn, chứng tỏ sự phát triển các dấu hiệu sinh dục phụ của nam sinh ở Điện Biên (2010) sớm hơn, liên quan tới dậy thì chính thức của học sinh ở Điện Biên sớm hơn.

4.2.2. Dậy thì của học sinh nữ 9 - 17 tuổi người Kinh, Thái và Hmông

Dấu hiệu dậy thì chính thức: Ở 9 - 11 tuổi nữ sinh cả 3 dân tộc đều chưa có trường hợp nào dậy thì chính thức. Một số nữ người Hmông, người Thái và người Kinh cùng bắt đầu dậy thì chính thức ở lứa tuổi 12. Sau đó tỷ lệ nữ dậy thì chính thức tăng dần theo tuổi từ 12 đến 17. Tỷ lệ nữ đã dậy thì chính thức của người Kinh, người Thái và người Hmông ở Điện Biên (2010) không giống nhau. Lúc 9 - 11 tuổi nữ ở cả 3 dân tộc đều chưa có trường hợp nào dậy thì chính thức. Đến 12 tuổi, nữ sinh cả 3 dân tộc đã bắt đầu dậy thì chính thức: người Hmông đạt 20,7%, người Kinh đạt 11,1% trong khi ở người Thái chỉ 2,0%. Lúc 12 - 15 tuổi, có sự chênh lệch lớn về tỷ lệ dậy thì chính thức của nữ các dân tộc, nhưng ở 13 - 17 tuổi tỷ lệ nữ đã dậy thì chính thức của người Kinh lớn nhất, tiếp theo là người Hmông, thấp nhất là người Thái. Đến 17 tuổi, không có sự khác biệt về tỷ lệ dậy thì chính thức giữa 3 dân tộc (đều đạt 100%).

Nhìn chung, tỷ lệ dậy thì chính thức ở nữ người Kinh cao hơn so với nữ người

Hmông và nữ người Thái, cụ thể ở 13 - 17 tuổi tỷ lệ nữ dậy thì chính thức ở người Kinh đều cao hơn người Hmông và người Thái. Đến tuổi 17, tỷ lệ nữ sinh dậy thì chính thức ở cả 3 dân tộc đều đạt 100%. Kết quả này ngoài yếu tố di truyền còn do môi trường sống của người Kinh tốt hơn. Tỷ lệ nữ dậy thì chính thức tăng dần theo tuổi lúc 12 - 17 tuổi. Ở tuổi 12, nữ người Kinh, người Thái và người Hmông ở Điện Biên (2010) đã bắt đầu xuất hiện dậy thì chính thức. Kết quả này tương tự kết quả của Nguyễn Quang Mai và cộng sự (1998), Đinh Kỷ và Cao Quốc Việt (1986), nhưng muộn hơn 1 năm so với nghiên cứu của Đào Huy Khuê và cộng sự (1993), Đỗ Hồng Cường (2009).

Kết quả nghiên cứu hồi cố cho thấy: Tuổi dậy thì chính thức ở nữ người Hmông là 12 tuổi 11 tháng \pm 1 năm 3 tháng, ở người Kinh là 13 tuổi 2 tháng \pm 1 năm 4 tháng, ở người Thái là 13 năm 8,8 tháng \pm 1 năm 0,4 tháng. Như vậy, tuổi dậy thì chính thức của nữ người Thái muộn nhất, nữ người Hmông sớm nhất, sớm hơn khoảng 3 tháng so với nữ người Kinh và 9 tháng so với nữ người Thái. Sự khác biệt tuổi dậy thì giữa nữ người Hmông và người Kinh không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), nhưng giữa nữ người Hmông và nữ người Thái thì sai khác có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

So sánh với những nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy: tuổi có kinh lần đầu của nữ người Kinh, người Thái và người Hmông ở Điện Biên (2010) sớm hơn so với nữ thành phố, nông thôn trong Hằng số sinh học người Việt Nam (1975) và cũng sớm hơn học sinh Hà Nội, Thái Bình, Hà Tây trong một số nghiên cứu những năm 1978 - 1990. Tuy vậy, tuổi có kinh lần đầu của nữ sinh người Kinh,

người Thái và người Hmông ở Điện Biên (2010) lại tương đương với nữ người Thái và Kinh ở Hòa Bình (Đỗ Hồng Cường, 2009). Kết quả này theo chúng tôi là phù hợp, vì sau mấy chục năm qua điều kiện sống đã cải thiện nhiều, đất nước hội nhập với nền kinh tế thế giới, điều kiện văn hoá, xã hội tốt hơn nên tuổi dậy thì ngày càng sớm hơn. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng điều kiện sống, chất lượng cuộc sống, khu vực địa lý có ảnh hưởng lớn đến tuổi có kinh lần đầu.

Các dấu hiệu dậy thì thứ cấp

- Kết quả nghiên cứu hồi cố cho thấy: Thời điểm xuất hiện mụn trứng cá trên mặt nữ người Hmông là 11 tuổi 5 tháng \pm 1 năm 7 tháng, ở người Kinh là 11 tuổi 8 tháng \pm 1 năm 5 tháng, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Thời điểm xuất hiện mụn trứng cá trên mặt nữ người Hmông sớm nhất, tiếp theo là người Thái và cuối cùng là người Kinh, kết quả này có thể do người Hmông dậy thì chính thức sớm hơn.

- Kết quả nghiên cứu ở tỉnh Điện Biên (2010) cho thấy: Ở độ tuổi 10, nữ sinh người Hmông đã mọc lông mu, chiếm 1,9%. Thời kỳ 10 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình phát triển và tỷ lệ nữ có lông mu tăng dần theo tuổi. Đến 17 tuổi, 100% nữ sinh người Hmông phát triển lông mu, chuẩn độ trung bình là 2,4 và có 49,1% số nữ đạt mức lông mu ở người trưởng thành.

Nữ sinh người Kinh ở 9 tuổi đã có em mọc lông mu, chiếm 1,8%. Trong thời kỳ 11 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình phát triển P và tỷ lệ nữ có lông mu tăng dần theo tuổi, mức tăng cao nhất ở tuổi 14. Đến 17 tuổi, 100% nữ sinh người Kinh có lông mu phát triển, chuẩn độ trung bình là 2,7 và có

81,5% số nữ đạt mức lông mu của người trưởng thành.

Nữ sinh người Thái ở độ tuổi 9 - 10 đều chưa phát triển lông mu. Đến tuổi 11, có 1,8% bắt đầu có lông mu và đến 16 - 17 tuổi, hầu như toàn bộ nữ có lông mu ở các mức độ khác nhau. Tỷ lệ nữ có lông mu tăng dần theo tuổi; mức tăng cao nhất ở tuổi 14. Đến 17 tuổi, 100% nữ sinh người Kinh có lông mu phát triển, chuẩn độ trung bình là 2,7 và 71,4% nữ sinh người Thái có lông mu đạt mức người trưởng thành.

So sánh sự phát triển lông mu giữa học sinh nữ người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên (2010) cho thấy: nữ sinh người Kinh có thời điểm xuất hiện lông mu sớm nhất, tỷ lệ đã phát triển lông mu cao hơn, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ đạt mức độ của người trưởng thành cũng cao hơn nữ sinh người Hmông và nữ sinh người Thái.

So sánh với nghiên cứu của Đào Huy Khuê và cộng sự trên nữ sinh người Kinh ở Hà Đông (1989) thấy tỷ lệ nữ sinh người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên (2010) đã phát triển lông mu và chuẩn độ trung bình cao hơn. Điều đó chứng tỏ theo thời gian sự phát triển các dấu hiệu sinh dục thứ cấp của nữ sớm hơn, phù hợp với dấu hiệu dậy thì chính thức sớm hơn và sự dậy thì của trẻ cũng sớm hơn.

- Kết quả nghiên cứu sự phát triển lông nách của học sinh nữ cho thấy: Ở độ tuổi 11, nữ sinh người Hmông đã bắt đầu mọc lông nách, chiếm 1,9%. Trong thời kỳ 11 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ nữ bắt đầu phát triển lông nách tăng dần theo tuổi, tăng nhanh nhất ở tuổi 17. Đến tuổi 17, có 92,4% nữ sinh người Hmông phát triển lông nách, chuẩn độ

trung bình là 1,7 và có 9,4% đạt mức lông nách của người trưởng thành.

Nữ sinh người Kinh ở 10 tuổi đã bắt đầu mọc lông nách, chiếm 1,8%. Trong thời kỳ 11 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ nữ có lông nách tăng dần theo tuổi, mức tăng cao nhất ở tuổi 14. Đến 17 tuổi, đã có 98,1% nữ sinh người Kinh phát triển lông nách, chuẩn độ trung bình là 1,9 và có 16,7% số em đạt mức lông nách của người trưởng thành.

Nữ sinh người Thái ở 11 tuổi đã có mọc lông nách, chiếm 1,8%. Tỷ lệ nữ có lông nách tăng dần theo tuổi; mức tăng cao nhất ở tuổi 14. Đến 17 tuổi, có gần 90% nữ sinh người Thái có lông nách nhưng chỉ có 18,4% đạt mức phát triển của người trưởng thành.

So sánh nữ sinh người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên (2010) với nhau cho thấy: nữ người Kinh có thời điểm xuất hiện lông nách sớm nhất, tỷ lệ phát triển lông nách cao hơn, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ đạt mức phát triển của người trưởng thành cao hơn nữ sinh người Hmông và nữ sinh người Thái. Kết quả này là do ở nữ sinh người Kinh có tỷ lệ dậy thì chính thức lớn hơn nữ sinh người Hmông.

So với nữ sinh người Kinh ở Hà Đông (1989), nữ sinh người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên (2010) xuất hiện lông nách sớm hơn 1 - 2 năm, chuẩn độ trung bình cao hơn. Điều này được giải thích tương tự như với dấu hiệu lông mu.

- Phát triển tuyến vú là dấu hiệu đầu tiên phản ánh hoạt tính Estrogen của buồng trứng, báo hiệu em gái đã bước vào tiền dậy thì. Kết quả nghiên cứu sự phát triển tuyến

vú (Ma) của học sinh nữ người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên (2010) cho thấy: Ở 9 tuổi, đã có nữ sinh người Hmông phát triển tuyến vú, tỷ lệ Ma1 chiếm 17,0%, Ma2 chiếm 1,9%, sau đó tới nữ các dân tộc khác.

Trong giai đoạn 9 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ học sinh nữ có tuyến vú phát triển tăng dần theo tuổi; đến lứa tuổi 17, đã có 100% nữ sinh người Hmông phát triển tuyến vú, chuẩn độ trung bình là 3,5 và có 50,9% nữ phát triển tuyến vú đạt mức của người trưởng thành.

Nữ sinh người Kinh ở 9 tuổi đã có em phát triển tuyến vú, chiếm 8,9%. Trong giai đoạn 9 - 17 tuổi, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ nữ có tuyến vú phát triển tăng dần theo tuổi; đến 17 tuổi, đã có 100% nữ sinh người Kinh phát triển tuyến vú, chuẩn độ trung bình là 3,1 và có 25,9% nữ phát triển tuyến vú đạt mức của người trưởng thành.

Nữ sinh người Thái từ 9 tuổi, một số đã phát triển tuyến vú và đến 16 tuổi toàn bộ nữ đã phát triển tuyến vú ở các mức độ khác nhau. Tỷ lệ nữ đã phát triển tuyến vú tăng dần theo tuổi, mức tăng cao tập trung ở độ tuổi 11 - 16. Đến 17 tuổi, có gần 50% nữ sinh phát triển tuyến vú đạt mức độ người trưởng thành, chuẩn độ trung bình là 3,4.

So sánh sự phát triển tuyến vú giữa nữ người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên (2010) với nhau cho thấy: ở 9 tuổi nữ sinh cả 3 dân tộc đều đã có em phát triển tuyến vú, nhưng tỷ lệ nữ sinh đã phát triển tuyến vú, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ đạt mức độ phát triển của người trưởng thành ở nữ sinh người Hmông cao hơn so với nữ sinh người Kinh và người Thái.

So sánh giữa nữ sinh người Kinh và nữ sinh người Thái cho thấy nữ sinh người Kinh có sự phát triển tuyến vú sớm hơn, cụ thể là thời điểm phát triển đầy đủ các mức độ của nữ sinh người Kinh sớm hơn nữ sinh người Thái. Tuy vậy, lúc 16 - 17 tuổi, tỷ lệ phát triển tuyến vú đạt mức độ người trưởng thành của nữ sinh người Thái lại cao hơn nữ sinh người Kinh.

So sánh giữa nữ người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên (2010) với nhau cho thấy: nữ sinh phát triển tuyến vú từ 9 tuổi, tỷ lệ nữ sinh đã phát triển tuyến vú, chuẩn độ trung bình và tỷ lệ đạt mức độ tuyến vú của người trưởng thành ở nữ sinh cả 3 dân tộc tương đương nhau.

So sánh với nghiên cứu của Đào Huy Khuê và cộng sự trên nữ sinh người Kinh ở Hà Sơn Bình (1989) cho thấy tỷ lệ nữ sinh người Kinh, người Thái và người Hmông ở tỉnh Điện Biên (2010) đã phát triển lông mu và chuẩn độ trung bình tương đương nhau, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Đặc điểm dậy thì

Tuổi dậy thì chính thức ở nữ người Hmông là 12 tuổi 11 tháng \pm 1 năm 3 tháng, ở nữ người Kinh là 13 tuổi 2 tháng \pm 1 năm 4 tháng và ở nữ người Thái là 13 năm 8,8 tháng \pm 1 năm 0,4 tháng. Sự khác nhau về tuổi dậy thì giữa nữ người Hmông và người Kinh không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), trong khi giữa nữ người Hmông và nữ người Thái có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Như vậy, có thể nói nữ sinh người Hmông và người Kinh dậy thì chính thức sớm nhất trong 3 dân tộc. Tuy vậy, tỷ lệ nữ sinh dậy thì

chính thức ở người Kinh lớn hơn so với nữ người Hmông và nữ người Thái, tập trung vào nhóm 13 - 17 tuổi, ở đó tỷ lệ nữ dậy thì chính thức ở người Kinh đều cao hơn người Hmông và người Thái. Đến tuổi 17, tỷ lệ nữ dậy thì chính thức ở cả 3 dân tộc Kinh, Hmông và Thái đều đạt 100%.

Tuổi dậy thì chính thức của nam người Hmông là 14 tuổi 1 tháng \pm 1 năm 2 tháng, nam người Kinh là 14 tuổi 7 tháng \pm 1 năm 9 tháng và nam người Thái là 14 năm 8,4 tháng \pm 1 năm 1,4 tháng. Tuổi dậy thì chính thức của nam người Hmông sớm hơn 6 - 7 tháng so với nam người Kinh và nam người Thái, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Còn ở nam người Thái và nam người Kinh, tuổi dậy thì chính thức gần như nhau.

Trong cùng dân tộc, tuổi dậy của nữ bao giờ cũng sớm hơn của nam, ví dụ ở người Hmông sớm hơn khoảng 1 năm 1 tháng, ở người Thái sớm hơn gần 1 năm và ở người Kinh sớm hơn 1 năm 5 tháng. Hiện tượng này cũng phù hợp quy luật ở nước ta là nam dậy thì chính thường muộn hơn nữ khoảng 1 - 2 năm.

Các dấu hiệu sinh dục thứ cấp ở học sinh cả 3 dân tộc như phát triển tuyến vú (ở nữ), mụn trứng cá, lông mu, lông nách (ở cả nam và nữ) đều bắt đầu từ trước khi dậy thì chính thức và tuân theo thứ tự thời gian nhất định, đồng thời cách nhau không lâu. Ở nam: lông mu - lông nách - mụn trứng cá; ở nữ: tuyến vú - lông mu - lông nách - mụn trứng cá. Nữ thường xuất hiện các dấu hiệu sinh dục thứ cấp sớm hơn nam.

5.2. Các yếu tố tác động

Sự phát triển thể chất và dậy thì của học sinh 9 - 17 tuổi người Kinh, người Thái

và người Hmông chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: di truyền, dinh dưỡng, kinh tế gia đình, tập quán văn hóa, tập luyện, giáo dục thể chất trong trường học, chăm sóc y tế và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước trung ương, địa phương... Tuy chưa có sự đánh giá chuyên biệt, nhưng có thể dự đoán tác động của yếu tố di truyền mang tính quyết định, bên cạnh đó tác động của dinh dưỡng và văn hóa cũng rất quan trọng, sau đó là các yếu tố khác cùng góp phần vào sự phát triển thể chất và dậy thì của học sinh. Đặc biệt trong 10 - 15 năm trở lại đây, tầm vóc, thể lực của người Việt Nam được cải thiện mạnh, thể hiện quy luật gia tốc về tầm vóc cơ thể và cả về tuổi dậy thì do điều kiện môi trường và kinh tế - xã hội của nước ta, bao gồm cả Điện Biên phát triển hơn trước.

5.3. Khuyến nghị

Qua điều tra, khảo sát thực tế về đặc điểm sinh lý dậy thì của học sinh 9 - 17 tuổi các dân tộc Thái, Hmông và Kinh ở tỉnh Điện Biên cho thấy tuổi dậy thì của các em đang có chiều hướng sớm lên, đồng thời cũng có sự khác nhau về dậy thì giữa học sinh các dân tộc này. Vì vậy, gia đình và nhà trường ở Điện Biên cần có kế hoạch, nội dung giáo dục giới tính phù hợp với lứa tuổi, dân tộc, giới tính; các cấp chính quyền và các cơ quan chức năng cũng cần nghiên cứu hoạch định các chính sách phù hợp để can thiệp kịp thời trong quá trình phát triển thể chất của trẻ, giúp trẻ đảm bảo phát triển tốt chiều cao trong điều kiện tuổi dậy thì có xu hướng sớm lên. Cần đặc biệt tăng cường tuyên truyền, vận động làm thay đổi dần tập quán yêu đương và kết hôn sớm, dẫn đến đẻ

dày, đẻ nhiều con ở người Hmông và một số DTTS khác trên địa bàn tỉnh.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hồng Cường (2009), *Nghiên cứu một số chỉ số sinh học của học sinh Trung học cơ sở các dân tộc ở tỉnh Hoà Bình*, Luận án Tiến sĩ Sinh học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Thẩm Thị Hoàng Diệp (1992), *Đặc điểm hình thái thể lực học sinh một số trường phổ thông cơ sở Hà Nội*, Luận án Phó Tiến sĩ Y dược, Đại học Y khoa Hà Nội.
3. Đinh Kỳ và Nguyễn Văn Khoa (1974), “Nghiên cứu một số kích thước hình thái và thể lực của học sinh phổ thông từ 7 đến 18 tuổi ở Thái Bình”, *Hình thái học*, Tổng hội Y dược học Việt Nam, Số 7.
4. Đinh Kỳ (1983), “Về tuổi dậy thì của học sinh phổ thông”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Số 5.
5. Đinh Kỳ, Cao Quốc Việt (1986), *Bàn về tuổi dậy thì ở trẻ em nước ta những năm 1978 - 1980*, Tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học của Viện Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ sơ sinh, 1980-1985, Nxb Y học, Hà Nội.
6. Đào Huy Khuê (1991), *Đặc điểm về kích thước hình thái, về sự tăng trưởng và phát triển cơ thể của học sinh phổ thông từ 6 - 17 tuổi*, Luận án Phó Tiến sĩ Sinh học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
7. Đào Huy Khuê, Nguyễn Thị Tân, Nguyễn Đức Nghĩa (1993), “Đặc điểm chín sinh dục của học sinh phổ thông thị xã Hà Đông”, *Hình thái học*, Tập 1, Hà Nội, tr. 23-31.
8. Trần Thị Loan (2002), *Nghiên cứu một số chỉ số thể lực và trí tuệ của học sinh*

từ 6 đến 17 tuổi tại quận Cầu Giấy - Hà Nội, Luận án Tiến sĩ Sinh học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

9. Nguyễn Quang Mai, Nguyễn Thị Lan (1998), “Nghiên cứu về một số chỉ tiêu về thể lực và sinh lí tuổi dậy thì ở các nữ sinh dân tộc ít người thuộc tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ”, *Thông báo khoa học*, Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 86-89.

10. Mai Văn Thìn (1991), *Đặc điểm hình thái thể lực của các dân tộc Êđê, Bana, Xơđăng, Mônông ở Tây Nguyên*, Luận án Phó Tiến sĩ Y học, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

11. Nguyễn Tấn Gi Trọng, Vũ Triệu An, Trần Thị Ân và cộng sự (1975), *Hàng số sinh học người Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.

12. UBND tỉnh Điện Biên (2009), *Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên năm 2009*.

13. Cao Quốc Việt và cộng sự (1997), *Tuổi dậy thì của trẻ em ở một số vùng sinh thái và một số yếu tố ảnh hưởng*, Đề tài KX.07.07, Hà Nội, tr. 491-518.

14. Cao Quốc Việt và Nguyễn Phú Đạt (1997), *Phát triển dậy thì bình thường ở trẻ em*, Đề tài KX.07.07, Hà Nội, tr. 92-125.

15. Nguyễn Yên và cộng sự (1997), “Nghiên cứu đặc trưng hình thái, sự tăng trưởng và phát triển cơ thể của người Việt Nam (người Kinh và một số dân tộc ít người) và mối quan hệ giữa họ với môi trường sinh thái (ở các tỉnh phía Bắc)”, *Bản về đặc điểm tăng trưởng người Việt Nam*, Đề tài KX.07.07, Hà Nội, tr. 504-510.



Thiếu nữ Hmông trên đường đi làm nương (huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên)

Ảnh: Phạm Thị Thu Hà